

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013**

Báo cáo thường niên này được cung cấp tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**

*Địa chỉ: 15 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-0511) 3822832 - Fax: (84-0511) 3834984*

Đà Nẵng, tháng 4/2014

I/ THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - 4.1. Mô hình quản trị
 - 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý
 - 4.3. Các công ty con, công ty liên kết
5. Định hướng phát triển
 - 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2014 - 2016
 - 5.2. Chiến lược phát triển trung hạn

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**I/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- 1.1. Những thay đổi chính trong năm
- 1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 so với kế hoạch
2. Tổ chức và nhân sự
 - 2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành
 - 2.2. Thay đổi BĐH trong năm
 - 2.3. Nguồn nhân lực
3. Tình hình tài chính
 - 3.1. Tình hình tài chính
 - 3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
 - 4.1. Cổ phần đang lưu hành
 - 4.2. Cơ cấu cổ đông
 - 4.3. Thay đổi sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

* Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
 - 1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT
 - 1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT
 - 1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý
2. Ban Kiểm soát
 - 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
 - 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát
3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG
NĂM 2013

I/ THÔNG TIN CHUNG :**1. Thông tin khái quát :**

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số : 3203001458, ngày 01/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ : 99.000.000.000đồng
- Địa chỉ : 15 Lê Hồng Phong - Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại : (84-0511) 3822 832 – 3562 509
- Số Fax : (84-0511) 3822 338 – 3834 984
- Website : <http://www.coxiva.com.vn>
- Mã cổ phiếu : DXV

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng tiền thân là Công ty Vật tư xây dựng số 2. Được thành lập theo quyết định số 503/BXD-TCCB ngày 28/10/1975 của Bộ Xây dựng.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/06/2007 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 3203001458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 12/6/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai vào ngày 18/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 14 tháng 10 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 06 tháng 02 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 06 năm 2013.

Ngày 24/01/2008 Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số: 16/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: DXV, Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 9.900.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 99.000.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

Hoạt động của công ty hiện nay chủ yếu là kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD như gạch nung tuynen, sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu xi măng tại địa bàn Công ty kinh doanh từ Đà Nẵng trở vào đến các tỉnh Tây Nguyên, với kinh nghiệm hàng chục năm kinh doanh xi măng và các loại VLXD, hiện nay Công ty đang kinh doanh xi măng và các loại VLXD như gạch nung tuynen, các loại bao bì có hiệu quả.

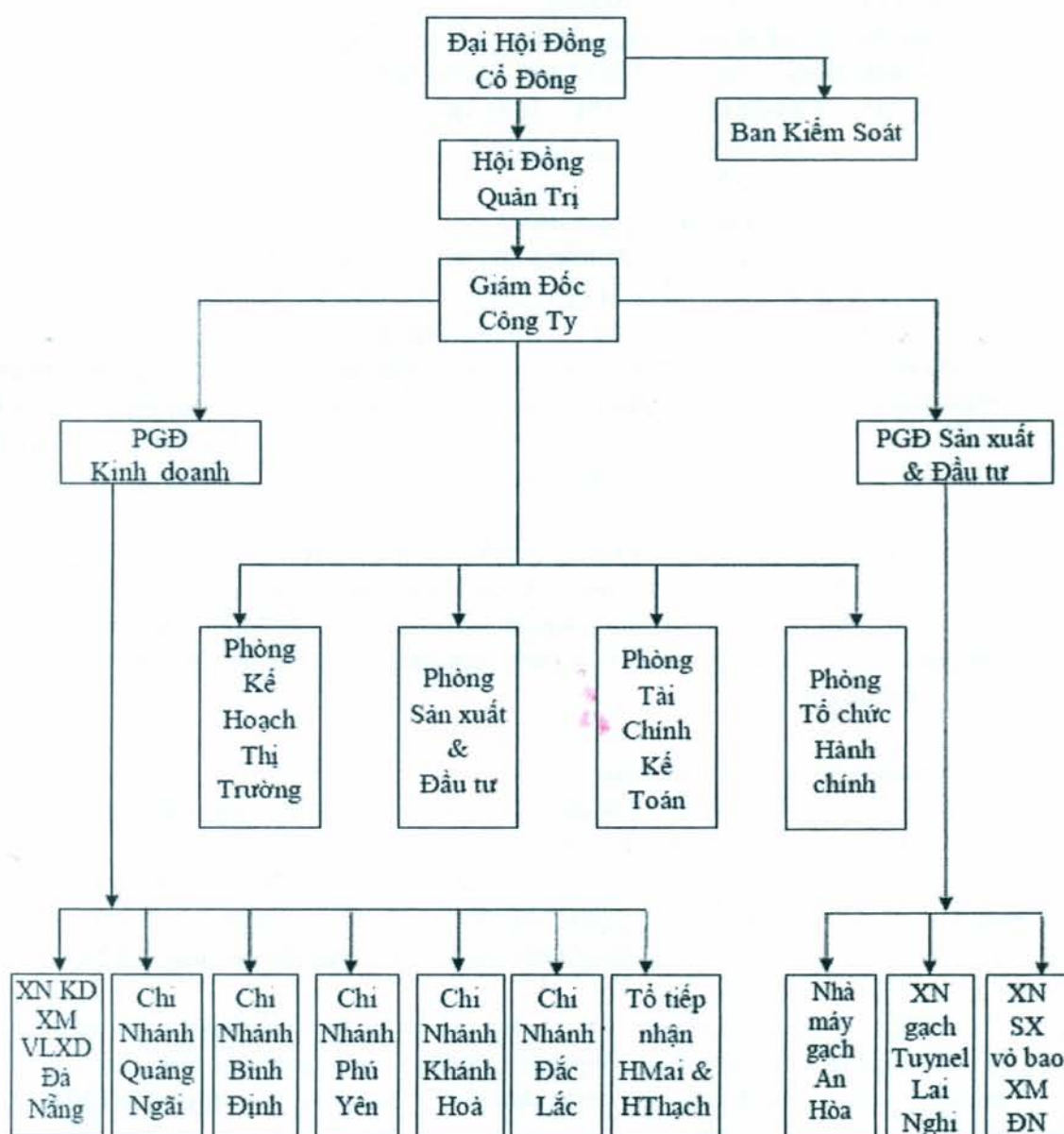
Ngoài Xi nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng được đầu trang thiết bị hiện đại của Áo, công suất 25 triệu vỏ bao/năm, Xi nghiệp gạch An Hoà với lò nung gạch tuynen công suất 30 triệu viên quy tiêu chuẩn / năm, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư lò nung tuynen tại Nhà máy gạch Lai Nghi với công suất 15 triệu viên.

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện nay là :

- Kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD khác ;
 - Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại ;
 - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng ;
 - Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng ;
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

**MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC SXKD
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

DXV có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng với mạng lưới chi nhánh phủ rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên bao gồm: Chi nhánh, Trạm của Công ty tại các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai - Kontum, Đắk Lắk.

4.3. Các công ty có liên quan và công ty con: Hiện công ty có các đơn vị trực thuộc gồm:

- Nhà máy Gạch An Hòa;
- Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi;
- Xí nghiệp Sản xuất Vò bao xi măng Đà Nẵng;
- Xí nghiệp Kinh doanh xi măng VLXD Đà Nẵng

5. Định hướng phát triển :**5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2014 - 2016:**

* **Định hướng sản phẩm kinh doanh trong thời gian đến:** Công ty tập trung vào một số hoạt động chính như sau:

- Kinh doanh xi măng VICEM như: Hoàng thạch, Hoàng mai, Bim sơn, Hải vân,...
- Sản xuất & kinh doanh VLXD (gạch tuynel, vò bao xi măng, bao bì các loại..)
- Kinh doanh bất động sản (kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng,...)

5.2. Chiến lược phát triển trung hạn :

TT	Chi tiêu	Đvt	2014	2015	2016
1	Kinh doanh xi măng	Tấn	370.000	385.000	400.000
2	Sản xuất VLXD				
	- Gạch xây các loại	1000v QTC	37.000	38.000	40.000
	- Vò bao xi măng	1000 vò	29.000	30.000	32.000
3	Kinh doanh khác (thuê kho bãi)	1000 đ	2.050.000	2.200.000	2.500.000
4	Doanh thu	Triệu đồng	674.287	708.000	752.000

Để đạt được các chỉ tiêu chiến lược đề ra, Công ty cần tập trung như sau:

+ Kinh doanh xi măng:

- Cùng cố hệ thống nhà phân phối, mở rộng địa bàn mới, tăng cường quyền lợi cho khách hàng.
- Đẩy mạnh tiêu thụ các thương hiệu mạnh VICEM trên thị trường theo định hướng của Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam.
- Khai thác nguồn xi măng tại chỗ và các nguồn có phương tiện vận tải thuận lợi.
- Duy trì cơ chế phối hợp thị trường theo quy định của Tổng Công ty.
- Đề nghị các nhà sản xuất có chính sách bán hàng linh hoạt theo thị trường.

+ Sản xuất VLXD:

- Nhà máy Gạch An Hòa: Tiếp tục củng cố hệ lò nung, sấy, nâng công suất dây chuyền lên 30 triệu viên QTC ...
- Xí nghiệp gạch Tuynel Lai nghi: tiếp tục nâng công suất dây chuyền lên 26 triệu viên QTC ...
- Đầu tư 01 dây chuyền sản xuất vò bao xi măng PP dán đáy.
- Tiếp tục ổn định nguồn lao động trong dây chuyền công nghệ để đảm bảo sản lượng, tăng cường nguồn lao động cho công tác thị trường và bán hàng.

- Ổn định nguồn đất sét nung cho quá trình sản xuất.
- Hệ thống kênh phân phối: tiếp tục củng cố và duy trì mở rộng địa bàn TP Đà Nẵng và Quảng Nam.
- Đàm phán với các nhà máy sản xuất xi măng trong Vicem về sản lượng tiêu thụ.

+ Liên doanh liên kết đầu tư bất động sản:

- Tiếp tục khai thác cơ sở vật chất hiện có của Công ty để cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc.
- Tìm đối tác để liên doanh liên kết để cho thuê kho VLXD tại Thọ Quang và Hòa Châu.

+ Kế hoạch lao động và đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ kết hợp với đào tạo và đào tạo lại để củng cố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Củng cố năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của công ty đến các đơn vị về các kỹ năng quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh, thị trường, nhân sự, công tác đầu tư,...
- Bố trí hợp lý nhân sự tại các phòng ban, đơn vị, chi nhánh theo hướng người có kinh nghiệm về chuyên môn và những người mới, nhằm bổ sung kiến thức mới cho người có kinh nghiệm và chia sẻ kinh nghiệm cho những người mới tiếp nhận công việc.
- Tuyển dụng một số vị trí mới đảm bảo tính kế thừa cho đội ngũ lớn tuổi nghỉ hưu và phù hợp với nhu cầu lao động của Công ty. Tập trung tuyển dụng nhân sự cho nhà máy sản xuất nhất là đội ngũ kỹ sư, cử nhân và công nhân đưa đi đào tạo.
- Tăng cường công tác đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo mang tính chuyên nghiệp, nhất là đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, tập trung đào tạo chuyên sâu cho cán bộ thị trường về sản phẩm xi măng và sản xuất; đào tạo quản lý cho cán bộ trung và cao cấp. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch bồi dưỡng phát triển lực lượng trẻ, bổ sung cho cán bộ quản lý của Công ty.
- Sử dụng tiền lương là đòn bẩy kinh tế, trả lương đúng với chất xám và sức lao động đóng góp từng người lao động để ổn định tâm lý người lao động, mỗi người đều yên tâm công tác, cống hiến hết mình cho công ty, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm, ngày càng củng cố chất lượng sản phẩm của công ty.

+ Kế hoạch về tài chính:

- Sử dụng nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển, khấu hao,.. của công ty hiện có.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, thực hiện tiết kiệm các chi phí trực tiếp sản xuất, chi phí lưu thông, chi phí quản lý trên cơ sở những định mức và dự trù được duyệt.

+ Các công cụ hỗ trợ khác:

- Tiếp tục triển khai các phần mềm công nghệ thông tin báo cáo theo chiến lược chung của Vicem.
- Công tác môi trường: Tạo ra môi trường lao động tốt, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh nhằm tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp và tăng cường công tác quản lý môi trường.
- Xây dựng Văn hóa Công ty.
- Tận tâm phục vụ khách hàng, tôn trọng quyền lợi của khách hàng thông qua việc hoàn thiện hệ thống tiêu thụ và các dịch vụ hỗ trợ.
- Đảm bảo hài hòa các lợi ích: người lao động và cổ đông, tôn trọng và tạo điều kiện cho

người lao động phát huy khả năng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Những thay đổi chính trong năm:

- Đã hoàn thành được các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra theo chỉ tiêu kế hoạch năm 2013.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Khởi động tiến trình cải cách, tái cấu trúc, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.
- Thay đổi phương thức Marketing và xác định mức độ đầu tư thỏa đáng cho marketing và kênh phân phối để đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh của DXV.
- Từng bước cơ cấu, chấn chỉnh lại hệ thống kênh phân phối.
- Góp phần bình ổn thị trường xã hội, duy trì được việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 400 lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 so với kế hoạch:

tt	Mục tiêu chủ yếu	ĐVT	Mục tiêu 2013	Thực hiện 2013	Thực hiện (%)
1	Tổng Doanh thu	Ti đồng	630,000	648,668	103
2	Sản lượng				
	- Xi măng	Tấn	338.000	356.800	106
	- Gạch nung (QTC)	Tr. Viên	34,80	35,30	101
	- Vò bao xi măng	Tr. Cái	25,50	25,90	102

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị : Gồm 05 thành viên.

1) Bà: **Trần Thị Minh Anh** - Chủ tịch HĐQT – Sinh năm: 1962

- Quê quán: Xã Phổ Khánh, Huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Ngoại Thương

- Quá trình công tác:

+ Tháng 3/1985 - 8/1988: Liên đoàn địa chất - Tổng Cục Địa chất.

+ Tháng 10/1988 - 3/1990: Trung Tâm Thông tin tư liệu - Tổng Cục Địa chất.

+ Tháng 3/1990 - 9/1998: Công ty XNK Xi măng - Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

+ Tháng 10/1998 - 8/2001: Phó trưởng phòng XNK Thiết Bị - Công ty XNK Xi măng

+ Tháng 9/2001- 1/2010: Phó Giám đốc Công ty XNK Xi măng - Tổng Công ty XNK Xi măng

+ Tháng 2/2010- đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt nam

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP VicemVLXD Đà Nẵng.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP đá xây dựng Hoà Phát

2) Ông: Nguyễn Duy Diễn – TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1983 - 1985: Công tác tại Công ty cung ứng vật tư số 2
 - + Từ 1985 - 1995: Công tác tại phòng kế hoạch thị trường – Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1995 - 1998: Công tác tại Nhà máy gạch An Hoà thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1999 - đến nay: Công tác tại phòng Kế hoạch thị trường, phó giám đốc, Giám đốc Công ty (nay là Công ty cổ phần).
- Chức vụ hiện tại: UVHĐQT – Giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: UV HĐQT Công ty CP đá xây dựng Hoà Phát

3) Ông: Hồ Ngãi -TV HĐQT - Sinh năm: 1958

- Quê quán: Bắc Mỹ An, Tp Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1978 - 1984: Cán bộ kỹ thuật Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1984 - 1999: Phó phòng XD CB Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1999 - 2002: Trưởng phòng XD CB Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 2003 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty

4) Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 6 – 12/1984: Nhân viên kế toán – Công ty cung ứng vật tư số 2 - BXD - tại Đà Nẵng.
 - + Tháng 1/1985 - 6/1986: Nhân viên kế toán - Công ty XM VLXD số 2 - tại Đà Nẵng.
 - + Tháng 7/1986 - 6 /1996: Phụ trách kế toán XN đá ốp lát và vật liệu trang trí – Xí nghiệp kinh doanh xi măng Đà Nẵng trực thuộc Công ty XMVLXD số 2 (nay là Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng)
 - + Tháng 7/1996 - 3/1997: Nhân viên kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Tháng 4/1997 - 7/2002: Phó phòng kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Tháng 8/2002 - 8/2003: Trưởng phòng kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Tháng 9/2003 đến nay - Kế toán trưởng Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Đá Xây dựng Hoà Phát.

5) Ông: Phạm Thanh Bình - TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Ân Tín, Hoài Ân, Bình Định
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat, Kỹ sư điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1985 - 1995: Cán bộ phụ trách kế hoạch - kỹ thuật XN đá ốp lát và xây dựng thuộc

- Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
- + Từ 1995 đến 2003: Phó phòng kỹ thuật sản xuất Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 2004 - 4 /2004: Phó giám đốc XN sản xuất bao bì xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng .
 - + Từ 4/2004 - 7/2004: Quyền giám đốc XN sản xuất bao bì xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 7/2004 - 12/2004: Phó giám đốc phụ trách XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 12/2004 đến nay: Giám đốc XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần)
- Chức vụ hiện tại: Giám đốc XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

2.1.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng: gồm có 04 thành viên.

- a. Giám đốc: Nguyễn Duy Diễn**
- b. Phó Giám đốc phụ trách đầu tư XD CB: Hồ Ngãi**
- c. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Thanh Thủy**

2.1.3. Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên.

- a. Bà: Hà Hải Yến – Sinh năm: 1975**
 - Quê quán: Thanh Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - kế toán tài chính
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1995-2004: Kế toán tổng hợp Công ty xi măng Hoàng Thạch
 - + Từ 2005-2007: Phó phòng kế toán Công ty xi măng Hoàng Thạch
 - + Từ 2008 : Phó phòng Kế toán Tổng Công ty CN XM Việt Nam
 - Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm Soát Công ty
- b. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Sinh năm: 1982**
 - Quê quán: Đức Phổ, Quảng Ngãi
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành doanh nghiệp
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 7/2003 – 3/2010: Nhân viên kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng.
 - + Từ 4/2010 – đến nay: Phó phòng kế toán Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng.
 - Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính – Thành viên BKS Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- c. Ông Trần Minh Hoàng – Sinh năm: 1961**
 - Quê quán: Đồng Hới, Quảng Bình
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 4/1984 đến 9/2002: Công tác tại Công ty CP Xi măng VLXD XL Đà Nẵng.

- + Từ 10/2002 đến 4/2008: Công tác tại Công ty Xi măng Hải Vân.
- + Từ 5/2008 – 10/2012: Công tác tại phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.
- + Từ 11/2012 - đến nay: Phó phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ hiện tại: Phó Phòng Tổ chức hành chính – Thành viên BKS Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

2.2. Thay đổi BĐH trong năm: không thay đổi

2.3. Lương, thưởng BĐH: Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, tổng thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thụ ký HĐQT năm 2013 là 230 triệu đồng.

2.4. Nguồn nhân lực:

- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm 2013 là : 424 người. Trong đó:

Nội dung	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
Số lao động (người)	432	424	
Trên đại học	1	1	
Đại học	58	58	
Cao đẳng	6	6	
Trung cấp	32	32	
Lao động nữ	175	152	
Thu nhập BQ ng/đồng	5.008.000	4.812.000	

2.5. Chính sách đối với người lao động:

- Với phương châm “ *Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp*”, DXV luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp. Mục tiêu trở thành nhà cung cấp chính cho thị trường miền Trung và Tây nguyên, Công ty cần có sự đồng hành và cống hiến từ những con người năng động, nhiệt huyết. Một số chính sách rõ ràng, chế độ cạnh tranh và công tác quản trị nguồn nhân lực hiện quả là mục tiêu mà tập thể ban điều hành Công ty hướng đến.

- *Chế độ làm việc:* Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, từ thứ hai đến thứ 6, từ 7h – 11h ngày thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

- *Nghỉ phép, lễ, Tết:* Nhân viên được nghỉ Lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Bộ lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 1 năm sau.

- *Nghỉ ốm, thai sản:* Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (năm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

- *Điều kiện làm việc:* Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- *Đảm bảo việc làm cho người lao động:* Để giải quyết việc làm cho người lao động, Ban Giám đốc Công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài Vicem nhằm mở rộng địa bàn tiêu thụ, SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

- *Chế độ lương và các khoản phụ cấp:*

+ **Đối tượng:** áp dụng cho tất cả bao gồm Ban điều hành và người lao động tại Công ty.

+ **Tiền lương:** bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp và lương làm thêm giờ.

* **Lương chức danh:** Xác định theo vị trí công việc. Trong năm, công ty đã triển khai nâng bậc, nâng lương cho 77 lao động tại đơn vị.

* **Phụ cấp:** Bao gồm các khoản phụ cấp sau: ăn trưa, điện thoại di động (Ban điều hành, trưởng phó phòng ban và nhân viên thị trường),...

+ **Chế độ thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong công ty được thưởng thêm và được trích từ khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- *Chính sách phúc lợi:*

+ **BHXH và BHYT:** công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước. Trong năm, Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ cho người lao động đúng quy định với số tiền 4,305 tỷ đồng.

+ **Khám sức khỏe hàng năm:** Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2013 cho toàn thể cán bộ tại theo từng địa bàn của Công ty.

+ **Du lịch, nghỉ mát hàng năm:** Tổ chức theo từng bộ phận lao động tham quan, du lịch trong nước với nguồn kinh phí công đoàn và phúc lợi của Công ty. Tổ chức 22 lượt lao động tham quan du lịch trong nước với tổng số tiền là 97 triệu đồng từ nguồn kinh phí công đoàn và phúc lợi của Công ty.

+ **Đã tổ chức Hội thao truyền thống COXIVA nhân kỷ niệm 38 năm Ngày thành lập Công ty.**

+ **Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn,...** đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.

+ **Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết hàng năm:** theo chế độ quy định.

- *Tổ chức công đoàn:* Công đoàn công ty hoạt động tích cực nhằm tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp Lễ, Tết,... Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát 01 lần từ 4 -5 ngày và không bị trừ ngày phép năm.

- *Công ty cam kết các chính sách đối với người lao động* trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

- *Lập quỹ hỗ trợ người lao động:* tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất:

- *Chính sách tuyển dụng:*

+ **Mục tiêu tuyển dụng của Công ty** là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp

ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, khả năng thích ứng công việc, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- *Chính sách thu hút nhân tài:* Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

- *Chính sách đào tạo:* Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ, nghiên cứu thị trường trong và ngoài Vicem nhằm đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Năm vừa qua, Công ty tổ chức 17 lượt cán bộ tham gia các lớp đào tạo ngắn ngày trong và ngoài Vicem nhằm góp phần tăng năng suất lao động.

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài chính:

(ĐVT : đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% 2013/2012
Tổng giá trị tài sản	219.285.755.677	700.724.151.247	31,29%
Doanh thu thuần	622.770.199.636	646.077.510.824	96,39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-10.612.750.183	-14.117.111.548	75,20%
Lợi nhuận khác	16.823.389.660	20.459.010.775	82,22%
Lợi nhuận trước thuế	6.210.639.477	6.341.899.227	97,93%
Tỷ lệ LNST	0,73%	0,71%	102,81%
Tỷ lệ trả cổ tức	458	458	

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Các Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,57	0,56	
	<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
	- Hệ số thanh toán nhanh	1,34	0,42	
	<i>(TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,53	0,87	

	- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,13	6,70	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	18,77	16,44	
	<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>			
	- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,84	0,88	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,01	0,01	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,04	0,05	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,02	0,01	
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	(0,02)	(0,02)	

4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông:

4.1. Cổ phần đang lưu hành:

- Cổ phần phổ thông đang lưu hành:

Năm	Đvt	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Cộng
Năm 2012	Cp	9.848.700	51.300	9.900.000
Năm 2013	Cp	9.848.700	51.300	9.900.000

4.2. Cơ cấu cổ đông năm 2013: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 25/3/2014 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10 000 VND/01 cổ phiếu):

		Cá nhân	Tổ chức	Tổng cộng
Trong nước	Cổ đông	729	6	734
	Cổ phần	3.270.442	6.571.358	9.841.800
Nước ngoài	Cổ đông	16	1	17
	Cổ phần	42.950	15.250	58.200
Tổng cộng	Cổ đông	745	7	752
	Cổ phần	3.313.392	6.586.608	9.900.000

+ Danh sách cổ đông ngoài nắm giữ trên 5%: không có

+ Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần lớn nhất đến ngày 25/3/2014.

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty CN xi măng Việt nam	228 Lê Duẩn -Hà Nội	6.514.700	82,38

+ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1 - 5%: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 23/4/2013 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10 000 VND/01 cổ phiếu):

Tên cổ đông	Ngày cấp	Quốc tịch	CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ngô Đại Dương	27/3/2007	Việt Nam	150.000	1,52%

Đỗ Thị Thu Hà	11/7/1999	Việt Nam	331.050	3,34%
Nguyễn Văn Sứy	28/7/2009	Việt Nam	157.720	1,59%

* Tỷ lệ phần trăm là tỷ lệ số cổ phần sở hữu trên tổng số cổ phần của Công ty.

4.3. Thay đổi sở hữu của CD nội bộ và CD lớn trong năm:

- Không có thay đổi về sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và BKS trong năm không thay đổi. Theo sở hữu và ủy quyền của Tổng Công ty CN XM Việt Nam.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2013	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch HĐQT	2.475.000	25,00
2	Nguyễn Duy Diễm	TV HĐQT	1.982.200	20,02
3	Hồ Ngãi	TV HĐQT	695.800	7,02
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	871.700	8,80
5	Phạm Thanh Bình	TV HĐQT	2.100	0,02
6	Hồ Hải Yến	Trưởng BKS	495.000	5,00

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2013, Công ty triển khai nhiệm vụ SX-KD với những đặc điểm như sau:

- Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế Việt Nam trong 6 tháng cuối năm đã có dấu hiệu phục hồi; GDP năm 2013 tăng 5,42%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 8% so cùng kỳ.
- Dự báo tình hình thời tiết sẽ diễn biến khó lường, sẽ ảnh hưởng việc thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm 2014.

* Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam và các Công ty xi măng Hoàng Thạch, Bim Sơn, Hoảng Mai, Hà Tiên, Hải Vân..
- Các đơn vị sản xuất và kinh doanh trực thuộc Công ty để có sự chuẩn bị tốt cho việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: ổn định thiết bị, công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu chính; lao động; tăng cường mở rộng thị trường...

* Khó khăn:

- Giá cả các loại vật tư, nguyên vật liệu tiếp tục tăng (hạt nhựa tăng 8%, điện tăng 5%..) trong khi giá bán sản phẩm trên thị trường không tăng giá, đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thị trường xi măng khu vực cung tiếp tục vượt cầu, các thương hiệu xi măng giá thấp tiếp tục đưa vào thị trường tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt với xi măng VICEM mà Công ty đang kinh doanh.
- Thị trường gạch nung tại địa bàn tiếp tục giảm xuống, sự cạnh tranh về giá bán diễn ra gay gắt.

* Kết quả đạt được:

Từ đặc điểm tình hình trên, trong quá trình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty, bám sát diễn biến thị trường, khai thác những mặt thuận lợi, kịp thời

đề ra những biện pháp khắc phục khó khăn phấn đấu đạt được những mục tiêu năm 2013 đề ra như sau:

TT	Mục tiêu chủ yếu	ĐVT	Mục tiêu 2013	Thực hiện 2013	% thực hiện
1/	Tổng doanh thu	Ti đồng	630	648	103
2/	Sản lượng hàng hóa				
	Xi măng	Tấn	338.000	356.800	106
	Vỏ bao xi măng	Triệu cái	25,5	25,9	102
3/	Nộp ngân sách	Ti đồng	6,000	6,144	102
4/	Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	6,000	6,210	104

Trong quá trình điều hành, Ban giám đốc Công ty đã triển khai đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đầu tư, cụ thể như sau:

*** Trong kinh doanh xi măng:**

- Tiếp tục sắp xếp lại hệ thống kinh doanh xi măng: củng cố lại bộ máy quản lý tại các Chi nhánh trực thuộc, giải thể Chi nhánh Ninh Thuận.
- Củng cố hệ thống nhà phân phối cấp 2 và cửa hàng, tăng quyền lợi cho hệ thống bán hàng.
- Tăng năng lực vận chuyển xi măng từ Nhà máy về các địa bàn nhằm duy trì thường xuyên nguồn hàng, tăng cường dịch vụ vận chuyển cho khách hàng.
- Khai thác lợi thế các thương hiệu xi măng VICEM trên từng địa bàn.
- Thực hiện các biện pháp giảm chi phí bán hàng, chi phí qua kho nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

*** Trong sản xuất VLXD:**

- Tiếp tục mở rộng thị trường vỏ bao với các khách hàng ngoài VICEM, đồng thời có giải pháp nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng được yêu cầu khách hàng trong mùa tiêu thụ cao điểm.
- Triển khai các giải pháp cạnh tranh của sản phẩm gạch nung tại An Hòa và Lai Nghi như: tăng tỉ lệ sản phẩm A/AB, tăng sản lượng sản phẩm gạch đặt, mở rộng sản phẩm ngói âm dương tại An Hòa...Nhằm ổn định sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường sản phẩm gạch nung giảm xuống trong 6 tháng cuối năm.
- Nhà máy gạch An Hòa đã tự đảm nhận được công tác sửa chữa định kỳ hệ thống lò sấy nung gạch tuynel, tiết kiệm chi phí thuê ngoài.

*** Công tác đầu tư:**

- Dự án xi măng Cam Ranh tiếp tục thực hiện công tác bàn giao tài chính và quyết toán các gói thầu xây dựng.

2. Tình hình tài chính:

- Tài sản tài chính: Trong năm 2013, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

- Nợ phải trả tài chính: Trong năm 2013, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014:

Căn cứ vào tình hình thị trường, khả năng sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014 của Công ty, Ban giám đốc Công ty dự kiến phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014 như sau:

* Doanh thu:	Tổng doanh thu:	674,287	Ti đồng
	Trong đó :	- Kinh doanh xi măng:	489,360 Ti đồng
		- VLXD	182,876 Ti đồng
		- Khác	2,051 Ti đồng

* Sản lượng tiêu thụ:

- Xi măng :	370.000 tấn.
- Gạch nung (QTC):	37 triệu viên
+ An Hòa:	23 triệu viên.
+ Lai nghi:	14 triệu viên.
- Vò bao xi măng:	29 triệu cái

* **Đầu tư :** Thông qua chủ trương đầu tư dây chuyền sản xuất vò bao PP dán đáy tại Xí nghiệp sản xuất vò bao Đà Nẵng.

* Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế : 6,227 tỉ đồng

(Chưa tính lỗ lũy kế do xử lý hồi tố chênh lệch tỉ giá của Dự án xi măng Cam Ranh)

* Một số biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2014:

a/ Kinh doanh xi măng:

- Tiếp tục củng cố hệ thống bán hàng qua các kênh: nhà phân phối cấp 2, cửa hàng, công trình...
- Khai thác lợi thế từng thương hiệu VICEM trên các địa bàn nhằm tăng sức cạnh tranh với các thương hiệu xi măng khác.
- Tiếp tục củng cố công tác quản lý điều hành của hệ thống kinh doanh xi măng từ Công ty đến các Chi nhánh.
- Duy trì việc phân tích đánh giá của các thương hiệu trên từng địa bàn cụ thể.

b/ Sản xuất VLXD:

- Mở rộng thị trường vò bao trong và ngoài VICEM, đáp ứng kịp thời yêu cầu khách hàng về chủng loại, mẫu mã...
- Củng cố và mở rộng thị trường sản phẩm gạch nung Tuynel tại thị trường Quảng nam và Đà Nẵng.
- Triển khai các biện pháp tiết kiệm trong sản xuất như giảm định mức tiêu hao vật tư chủ yếu than, điện, giấy, hạt nhựa...; chi phí quản lý, chi phí bán hàng nhằm duy trì được hiệu quả sản xuất.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

* Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành:

- Năm 2013 là năm thứ bảy sau khi cổ phần hóa Công ty và là năm thứ hai nhiệm kỳ 2012 -

2017 Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã được củng cố, đúc rút được những kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành công ty.

- Hội đồng quản trị công ty được bầu gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên làm kiêm nhiệm trong công tác quản lý và điều hành tại công ty và 01 thành viên là quản lý tại Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam nên việc chỉ đạo điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty và định hướng chung của Tổng Công ty.

- Nền kinh tế trong nước phục hồi chậm, giá cả nguyên vật liệu liên tục tăng, tình hình lạm phát vẫn chưa được kiểm chế,... ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty.

- Thị trường xi măng cung cấp tiếp tục vượt cầu, nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt; nhu cầu VLXD trên địa bàn giảm xuống, sự cạnh tranh về giá bán diễn ra gay gắt.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Có 01 thành viên là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và 04 thành viên là CBCNV công ty.

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 02 thành viên là CBCVN công ty.

Trong thời gian qua, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi và lợi ích với Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 11/5/2013.

Trong thời gian qua không có giao dịch cổ phiếu nào của Công ty liên quan đến thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp trực tiếp 5 phiên với những vấn đề quan trọng của Công ty đã được bàn thảo và quyết định tại các phiên họp của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và các nghị quyết tại các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở tình hình thực tế của Công ty đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ quý, 6 tháng cuối năm, ...kiểm điểm những mặt làm được, những mặt còn hạn chế trong điều hành.

- Quyết định nâng lương theo thang lương 205/CP cho 1 trường hợp thuộc diện Hội đồng quản trị quản lý.

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty: thăm dò và khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

Việc tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại điều lệ Công ty, các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị Công ty đều có chương trình, thời gian, địa điểm và các vấn đề sẽ thảo luận và quyết định tại cuộc họp. Cuộc họp không trực tiếp (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để thông qua các quyết định để được Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Những vấn đề được Hội đồng quản trị bàn thảo và quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại

bằng biên bản; các quyết định của Hội đồng quản trị đều được ban hành bằng Nghị quyết triển khai trong toàn Công ty và lưu trữ theo quy định.

1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Ngày 11/5/2013, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty từ các công việc chuẩn bị Đại hội, triệu tập Đại hội, thực hiện các chương trình đề ra trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã hoàn thành với chương trình nghị sự thông qua gồm 10 nội dung mà Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số: 563/NQ-ĐHCD, ngày 11/5/2013 thông báo với các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty là Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC.

- Hội đồng quản trị công ty đã hoàn thiện Điều lệ Công ty theo các Nghị quyết Đại hội cổ đông đã thông qua các năm, các Quy chế tiêu thụ xi măng, Quy chế sửa chữa lớn...

1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty thông qua chế độ báo cáo thường kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại các cuộc họp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Năm 2013, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện được đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ công ty; thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị để đề ra các biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu đã được Đại hội thông qua, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2014:

- Trên cơ sở vai trò, vị trí, chức năng của Hội đồng quản trị Công ty được xác định tại điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty sẽ triển khai chỉ đạo thực hiện các mục tiêu năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

- Tiếp tục duy trì sự đoàn kết, phối hợp giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.

- Thường xuyên duy trì chương trình họp Hội đồng quản trị Công ty theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu để đề ra các nghị quyết nhằm triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

- Thường xuyên giám sát Ban Giám đốc, và các cán bộ quản lý tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành đang sản xuất kinh doanh.

2. Ban Kiểm soát :

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 01 thành viên là Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, 02 thành viên là CBCVN công ty.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã duy trì việc hoạt động kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung

thực và mức độ cần trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

*** Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2013 :**

1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

TT	Chi tiêu	Đvt	Mục tiêu năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ % Th/MT
1	Doanh thu	1.000đ	630,000	648,668	103
2	Sản lượng tiêu thụ				
	Xi măng	tấn	338,000	356,800	106
	Gạch nung	triệu viên	34,800	35,300	101
	Vỏ bao	triệu vỏ	25,500	25,900	102
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6,000	6,210	104
4	Lợi nhuận chia cổ tức	tỷ đồng	-	-	
5	Tỷ lệ cổ tức	%	-	-	

- Đối với kinh doanh xi măng: Năm 2013 nền kinh tế đất nước vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Nhà nước đã thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô..., dẫn đến việc các dự án bất động sản bị đình trệ; Khối lượng xây dựng giảm dẫn đến việc giảm nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng trong đó có xi măng; Thị trường xi măng khu vực 'cung' vượt xa so với 'cầu' nên cạnh tranh càng quyết liệt, các thương hiệu xi măng giá thấp đã tăng cường đưa vào thị trường địa bàn gia tăng sự cạnh tranh với xi măng mà Công ty đang kinh doanh; Tuy vậy, Công ty đã cố gắng bám sát diễn biến thị trường, có các biện pháp khắc phục khó khăn để đạt được mục tiêu, sản lượng tiêu thụ xi măng năm 2013 đạt 356.800 tấn xi măng tăng 3% so với mục tiêu đề ra.

- Đối với sản xuất và tiêu thụ gạch nung và vỏ bao: trong tình hình giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào như: hạt nhựa, xăng, dầu, điện... đều tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty; Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng và Nhà máy gạch An Hòa đã tăng cường công tác quản lý, giám sát khâu nhập nguyên liệu đầu vào, đảm bảo ổn định chất lượng, thực hiện tốt định mức tiêu hao vật tư góp phần hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Đối với công tác đầu tư: Tiếp tục thực hiện công tác quyết toán Dự án xi măng Cam Ranh và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong việc chuyển nhượng dự án cho Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên 1 .

2. Tình hình tài chính năm 2013:

- Một số chỉ tiêu tài chính tóm tắt năm 2013 như sau:

DVT: Đồng

tt	Nội dung	31/12/2013	31/12/2012
A	Tài sản	219.285.755.677	700.724.151.247
1	Tài sản ngắn hạn	182.176.905.499	160.090.464.241
	Tiền và các khoản tương đương tiền	27.867.824.060	35.738.668.614
	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
	Các khoản nợ phải thu	67.304.231.882	38.049.150.859
	Hàng tồn kho	26.247.908.614	38.753.471.800
	Tài sản ngắn hạn khác	4.480.502.371	12.329.537.765
2	Tài sản dài hạn	37.108.850.178	540.633.687.006
	Tài sản cố định	36.569.737.200	540.315.940.824
	Bất động sản đầu tư		
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
	Tài sản dài hạn khác	539.112.978	317.746.182
B	Nguồn vốn	219.285.755.677	700.724.151.247
1	Nợ phải trả	116.279.132.028	601.984.252.601
	Nợ ngắn hạn	116.128.488.091	285.488.021.061
	Nợ dài hạn	150.643.937	316.496.231.540
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	103.006.623.649	98.739.898.646
	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.000.000.000	99.000.000.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	725.357.511	725.357.511
	Quỹ dự phòng tài chính	918.296.284	1.186.206.321
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	Quỹ đầu tư phát triển	15.178.555.289	15.178.555.289
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.815.585.435)	(17.350.220.475)
	Nguồn kinh phí và quỹ khác		

- Việc thực hiện báo cáo tài chính theo chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và kế toán AAC.

- Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kế toán của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, Công ty đã chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2013 là : 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 01/03/2014 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại mục (i) của Thuyết minh số 32, căn cứ vào biên bản bàn giao tài chính ngày 20/06/2013 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (HT1), Công ty đã chuyển giao các nghĩa vụ nợ phải trả có giá trị 14.489.476.609 đồng cho HT1. Việc chuyển giao các khoản nợ phải trả khi chưa được sự đồng ý của các chủ nợ là chưa có cơ sở pháp lý.
2. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, các khoản nợ phải thu: 600.141.292 đồng và nợ phải trả: 10.537.846.925 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận. Trong số các khoản nợ phải trả chưa được đối chiếu này có nợ phải trả cho Công ty Kỹ thuật và Công nghệ Xi măng Khải Thịnh - Nam Kinh (Trung Quốc) đã

tồn tại từ ngày 18/8/2011 đến nay với số dư không thay đổi là 232.826 USD (tương đương 4.897.738.044 đồng); trong khi số liệu nợ được hai bên xác nhận tại ngày 18/8/2011 là 393.564 USD, chênh lệch 160.738 USD.

Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên cũng như về số liệu chênh lệch công nợ giữa Công ty và Công ty Kỹ thuật và Công nghệ Xi măng Khải Thịnh - Nam Kinh.

3. Như trình bày tại mục (@) của Thuyết minh số 06, Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 32, tại ngày 31/12/2013, một số số liệu liên quan đến Dự án nhà máy Xi măng Cam Ranh hiện được Công ty theo dõi cho đối tượng HT1 tại khoản mục "Các khoản phải thu khác" là 32.163.738.453 đồng và "Phải trả, phải nộp khác" là 1.905.921.443 đồng nhưng chưa được phía HT1 xác nhận. Tính đúng đắn của khoản mục này còn tùy thuộc vào kết quả kiểm toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án và các thỏa thuận bàn giao tiếp theo của hai bên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" thì các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trần Thị Phương Lan

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-010-1

Phạm Nguyễn Hương Ly

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1926-2013-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Ngày 31 tháng 12 năm 2013)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.176.905.499	160.090.464.241
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	47.867.824.060	55.738.668.614
1. Tiền	111		27.867.824.060	35.738.668.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.580.670.454	53.268.786.062
1. Phải thu khách hàng	131		67.304.231.882	38.049.150.859
2. Trả trước cho người bán	132		2.281.948.417	2.313.318.114
3. Các khoản phải thu khác	135	6	34.157.999.755	12.931.618.789
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(163.509.600)	(25.301.700)
IV. Hàng tồn kho	140		26.247.908.614	38.753.471.800
1. Hàng tồn kho	141	7	26.247.908.614	38.753.471.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.480.502.371	12.329.537.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	107.385.607	23.481.887
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.675.838.984	8.790.611.847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	1.208.809.598	2.841.113.955
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	488.468.182	674.330.076
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.108.850.178	540.633.687.006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.569.737.200	540.315.940.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	36.435.240.774	40.449.054.053
- Nguyên giá	222		110.257.367.353	111.121.017.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.822.126.579)	(70.671.963.386)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	6.826.229
- Nguyên giá	228		150.000.000	150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.000.000)	(143.173.771)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	134.496.426	499.860.060.542
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		539.112.978	317.746.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	539.112.978	317.746.182
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		219.285.755.677	700.724.151.247

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

(Ngày 31 tháng 12 năm 2013)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		116.279.132.028	601.984.252.601
I. Nợ ngắn hạn	310		116.128.488.091	285.488.021.061
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	24.346.725.050	139.966.186.399
2. Phải trả người bán	312		80.481.902.064	81.499.348.636
3. Người mua trả tiền trước	313		74.312.512	64.513.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	736.019.534	298.987.860
5. Phải trả người lao động	315		5.051.685.836	5.404.970.519
6. Chi phí phải trả	316	17	1.516.600.502	1.881.980.386
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	3.900.539.183	55.950.197.538
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.703.410	421.836.722
II. Nợ dài hạn	330		150.643.937	316.496.231.540
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	116.853.028	230.501.326
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	316.206.521.122
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		33.790.909	59.209.092
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.006.623.649	98.739.898.646
I. Vốn chủ sở hữu	410		103.006.623.649	98.739.898.646
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	99.000.000.000	99.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	725.357.511	725.357.511
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	15.178.555.289	15.178.555.289
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	918.296.284	1.186.206.321
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	(12.815.585.435)	(17.350.220.475)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		219.285.755.677	700.724.151.247

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.845.086.049	1.845.086.049
2. Ngoại tệ các loại (USD)	163,95	183,59



Giám đốc

Nguyễn Duy Diễn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	628.570.816.308	647.627.031.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	5.800.616.672	1.549.521.156
3. Doanh thu thuần về bán hàng & c.cấp dịch vụ	10	21	622.770.199.636	646.077.510.824
4. Giá vốn hàng bán	11	22	610.079.548.440	637.259.362.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & c.cấp dịch vụ	20		12.690.651.196	8.818.148.323
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.917.665.543	3.138.528.753
7. Chi phí tài chính	22	24	1.268.792.056	2.002.633.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>1.220.736.997</i>	<i>2.002.633.000</i>
8. Chi phí bán hàng	24		12.431.314.534	12.361.069.740
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.520.960.332	11.710.085.884
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.612.750.183)	(14.117.111.548)
11. Thu nhập khác	31	25	496.160.816.283	28.317.027.355
12. Chi phí khác	32	26	479.337.426.623	7.858.016.580
13. Lợi nhuận khác	40		16.823.389.660	20.459.010.775
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	6.210.639.477	6.341.899.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.676.004.437	1.803.996.176
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	4.534.635.040	4.537.903.051
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	458	458

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Duy Diễn

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	654.752.855.356	702.354.939.377
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(639.929.177.361)	(661.050.388.108)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.101.673.190)	(24.726.808.855)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.460.013.000)	(1.972.633.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(58.847.053)	(2.601.416.365)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	58.044.154.341	18.007.191.488
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(58.048.786.074)	(29.150.999.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.801.486.981)	859.885.080
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.107.610.828)	(223.777.735)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	32.818.182	1.079.165.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.028.067.920	3.014.793.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	953.275.274	3.870.180.308
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.234.555.000	20.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.257.560.700)	(2.161.697.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.005.700)	17.838.302.700
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.871.217.407)	22.568.368.088
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.738.668.614	33.170.300.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	372.853	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.867.824.060	55.738.668.614

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Duy Diễn

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng) theo Quyết định số 671/QĐ-BXD ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001458 ngày 01 tháng 6 năm 2007, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09 tháng 11 năm 2011 về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc gồm:

- Nhà máy Gạch An Hoà;
- Xí nghiệp Gạch Tuynen Lai Nghi;
- Xí nghiệp Sản xuất Vỏ bao Xi măng Đà Nẵng;
- Xí nghiệp Kinh doanh Xi măng Vật liệu xây dựng Đà Nẵng;
- Chi nhánh của Công ty tại các Tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Đaklak;
- Tổ đầu nguồn Hoàng Mai, tổ đầu nguồn Hoàng Thạch.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình**Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	8

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt

động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập

và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng gạch, xi măng, vò bao xi măng; Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.332.128.440	2.014.124.622
Tiền gửi ngân hàng	26.535.695.620	33.724.543.992
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	47.867.824.060	55.738.668.614

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu tiền khuyến mãi xi măng được hưởng	1.500.235.473	1.799.288.644
Lãi dự thu	58.333.333	168.735.710
Phải thu khác liên quan dự án Cam Ranh (@)	32.163.738.453	
Phải thu nhà thầu		10.809.952.500
Phải thu Công ty Tư vấn Thiết kế Cảng về giá trị giảm theo Thanh tra Xây dựng	121.639.000	
Phải thu khác	314.053.496	153.641.935
Cộng	34.157.999.755	12.931.618.789

(@) Là khối lượng thi công phát sinh trước ngày 18/8/2011 của Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh nhưng sau ngày bàn giao Dự án đợt 1 (ngày 20/06/2013) mới quyết toán với các nhà thầu. Công ty dự định sẽ bàn giao cho Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 trong đợt bàn giao Dự án tiếp theo.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	7.187.066.555	8.069.573.940
Nguyên liệu, vật liệu	9.960.738.459	15.837.411.179
Công cụ, dụng cụ	418.156.507	625.229.665
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.977.372.141	4.994.512.176
Thành phẩm	3.685.239.797	4.048.723.212
Hàng hóa	1.737.760.355	4.540.605.628
Hàng gửi đi bán	281.574.800	637.416.000
Cộng	26.247.908.614	38.753.471.800

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí khác (chi phí sửa chữa xe, máy móc)	107.385.607	23.481.887
Cộng	107.385.607	23.481.887

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	1.208.809.598	2.825.966.982
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.146.973
Cộng	1.208.809.598	2.841.113.955

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	124.836.054	1.669.201
Tạm ứng	351.632.128	660.660.875
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	12.000.000
Cộng	488.468.182	674.330.076

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	30.476.645.599	67.692.554.062	11.173.617.617	1.485.592.025	292.608.136	111.121.017.439
Tăng trong năm	85.396.364	287.115.000	735.099.464	-	-	1.107.610.828
Chuyển nhượng DA	-	-	570.818.182	88.571.280	-	659.389.462
T/lý, nhượng bán	-	-	88.403.640	-	-	88.403.640
Giảm theo TT45	165.859.789	282.228.877	70.082.721	323.626.234	-	841.797.621
Giảm khác	381.670.191	-	-	-	-	381.670.191
Số cuối năm	30.014.511.983	67.697.440.185	11.179.412.538	1.073.394.511	292.608.136	110.257.367.353
Khấu hao						
Số đầu năm	15.143.250.674	43.452.171.554	10.483.423.688	1.388.291.778	204.825.692	70.671.963.386
Khấu hao trong năm	1.042.400.278	3.026.844.512	551.614.985	56.624.937	29.260.812	4.706.745.524
Chuyển nhượng DA	-	-	546.413.448	87.571.280	-	633.984.728
T/lý, nhượng bán	-	-	88.403.640	-	-	88.403.640
Giảm theo TT45	134.873.094	251.437.773	64.255.800	302.685.324	-	753.251.991
Giảm khác	80.941.972	-	-	-	-	80.941.972
Số cuối năm	15.969.835.886	46.227.578.293	10.335.965.785	1.054.660.111	234.086.504	73.822.126.579
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.333.394.925	24.240.382.508	690.193.929	97.300.247	87.782.444	40.449.054.053
Số cuối năm	14.044.676.097	21.469.861.892	843.446.753	18.734.400	58.521.632	36.435.240.774

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2013: 22.975.529.030 đồng.

Không có tài sản nào cầm cố thế chấp các khoản vay tại 31/12/2013.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	150.000.000	150.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	150.000.000	150.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	143.173.771	143.173.771
Khấu hao trong năm	6.826.229	6.826.229
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	150.000.000	150.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.826.229	6.826.229
Số cuối năm	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh	-	499.725.564.116
Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng (*)	62.183.517	62.183.517
Kho chứa xi măng Hòa Cẩm (*)	19.222.909	19.222.909
Kho Vật liệu xây dựng Hòa Châu (*)	53.090.000	53.090.000
Cộng	134.496.426	499.860.060.542

(*) Là các dự án đã ngừng đầu tư, hiện đang chờ Hội đồng quản trị cho ý kiến xử lý.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	539.112.978	317.746.182
Cộng	539.112.978	317.746.182

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	VND	USD	VND
Vay ngắn hạn		24.346.725.050		20.112.170.050
- Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng		20.000.000.000		20.000.000.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN		4.234.555.000		-
- Các đối tượng khác		112.170.050		112.170.050
Nợ dài hạn đến hạn trả		-		119.854.016.349
- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN		-		85.109.000.000
- NH Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa (VND)		-		9.916.381.508
- NH Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa (USD)		-	327.506 #	6.752.518.708
- Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng		-		18.076.116.133
Cộng		24.346.725.050		139.966.186.399

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	549.234.296	298.701.460
Thuế thu nhập cá nhân	544.688	-
Thuế khác	424.150	286.400
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	185.816.400	-
Cộng	736.019.534	298.987.860

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	470.444.179	661.045.508
Trích trước chi phí bốc xếp	499.328.605	659.295.100
Trích trước chi phí khuyến mãi	-	409.199.382
Trích trước chi phí lãi vay	12.208.219	-
Trích trước chiết khấu thương mại	339.831.539	-
Trích trước chi phí khác	194.787.960	152.440.396
Cộng	1.516.600.502	1.881.980.386

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	43.828.302	137.809.549
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.856.710.881	55.812.387.989
+ Phải trả tiền lãi đặt cọc làm đại lý xi măng, lãi dự phòng bán hàng, góp vốn lãi xe	495.199.426	1.017.219.426
+ Cổ tức phải trả	152.753.949	4.410.314.649
+ Phải trả tiền lãi vay dự án xi măng Cam Ranh	-	48.282.989.304
+ Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	300.535.778	1.044.155.837
Lãi vay phải trả	300.535.778	-
Phải trả khác		1.044.155.837
+ Chi phí tư vấn chuyển giao công nghệ	255.566.091	228.596.551
+ Phải trả khác liên quan đến dự án Cam Ranh (@)	1.905.921.443	-
+ Phải trả khác	746.734.194	829.112.222
Cộng	3.900.539.183	55.950.197.538

@) Khối lượng thi công của Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh đã bàn giao đợt 1 cho Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 nhưng qua quyết toán khối lượng, Công ty và nhà thầu thống nhất cắt giảm khối lượng. Số liệu này sẽ được chuyển giao cho Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 trong đợt tiếp theo.

19. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	116.853.028	230.501.326
Cộng	116.853.028	230.501.326

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	807.850.086	(14.318.054.821)
Tăng trong năm	-	-	-	378.356.235	4.537.903.051
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.570.068.705
Số dư tại 31/12/2012	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	1.186.206.321	(17.350.220.475)
Số dư tại 01/01/2013	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	1.186.206.321	(17.350.220.475)
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.534.635.040
Giảm trong năm	-	-	-	267.910.037	-
Số dư tại 31/12/2013	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	918.296.284	(12.815.585.435)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	65.147.000.000	65.147.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	33.853.000.000	33.853.000.000
Cộng	99.000.000.000	99.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu thường	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu thường	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(17.350.220.475)	(14.318.054.821)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.534.635.040	4.537.903.051
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	-	7.570.068.705
+ Phân phối lợi nhuận năm trước	-	7.570.068.705
- Chi cổ tức		6.435.000.000
- Trích Quỹ dự phòng tài chính		378.356.235
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		605.369.976
- Trích Quỹ khen thưởng của Ban điều hành		151.342.494
+ Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.815.585.435)	(17.350.220.475)

21. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	628.570.816.308	647.627.031.980
+ Doanh thu bán xi măng	462.803.328.082	476.593.510.276
+ Doanh thu bán gạch	21.204.408.733	27.670.512.887
+ Doanh thu bán vỏ bao xi măng	142.822.453.132	141.242.340.143
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	1.740.626.361	2.120.668.674
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.800.616.672	1.549.521.156
+ Hàng bán trả lại	-	-
+ Chiết khấu thương mại	5.800.616.672	1.549.521.156
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	622.770.199.636	646.077.510.824

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán xi măng	457.155.309.833	484.275.888.515
Giá vốn bán gạch	20.080.779.870	22.874.803.403
Giá vốn bán vỏ bao xi măng	131.764.353.704	128.783.918.859
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.079.105.033	1.324.751.724
Cộng	610.079.548.440	637.259.362.501

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.917.665.543	3.138.528.753
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
Cộng	1.917.665.543	3.138.528.753

24. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	1.220.736.997	2.002.633.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản nợ phải trả	48.055.059	-
Cộng	1.268.792.056	2.002.633.000

25. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bán phế liệu	1.507.086.678	1.714.073.908
Thu tiền điện, nước	43.378.625	76.849.094
Thu thanh lý tài sản cố định	32.818.182	990.909.091
Cho thuê kho, cửa hàng	861.302.725	1.003.436.371
Thu từ khuyến mãi xi măng	13.670.657.485	20.285.727.521
Thu nhập từ tiền đền bù	-	3.079.791.605
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	359.302.969	630.672.272
Xử lý công nợ	1.049.497.546	-
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án Cam Ranh	477.981.239.681	-
Thu nhập khác	655.532.392	535.567.493
Cộng	496.160.816.283	28.317.027.355

26. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định		9.850.000
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	32.818.182	838.176.646
Chi phí điện nước của các Công ty khác dùng chung	41.443.997	68.892.376
Chi phí khuyến mãi theo đầu tấn cho khách hàng	678.221.148	5.937.705.550
Tiền phạt	260.085.692	757.305.475
Chi phí chuyển nhượng dự án Cam Ranh	477.981.239.681	-
Chi phí khác	343.617.923	246.086.533
Cộng	479.337.426.623	7.858.016.580

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.210.639.477	6.341.899.227
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	493.378.272	874.085.475
+ Điều chỉnh tăng	493.751.125	874.085.475
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	78.000.000	54.000.000
- Chi phí hao hụt, nguyên vật liệu vượt định mức	138.440.933	-
- Tiền phạt	260.085.692	757.305.475
- Chi phí không hợp lý khác	17.224.500	62.780.000
+ Điều chỉnh giảm	372.853	-
- Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	372.853	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.704.017.749	7.215.984.702
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	1.676.004.437	1.803.996.176
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.534.635.040	4.537.903.051

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.534.635.040	4.537.903.051
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.534.635.040	4.537.903.051
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.900.000	9.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	458	458

29. Công cụ tài chính**a) Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do Công ty có các giao dịch mua hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Nợ tài chính		
Nợ phải trả người bán	232.826,49	232.826,49
Nợ vay		6.231.115,13
	<u>232.826,49</u>	<u>6.463.941,62</u>

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào. Để quản lý rủi ro, Công ty lên dự toán nhập mua nguyên vật liệu, có chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý nên rủi ro về giá cả nguyên vật liệu ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đại lý mua hàng có ký cược, bảo lãnh ngân hàng và các công ty thành viên trong Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam nên rủi ro tín dụng với khách hàng ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	24.346.725.050	-	24.346.725.050
Phải trả người bán	80.481.902.064	-	80.481.902.064
Chi phí phải trả	1.516.600.502	-	1.516.600.502
Phải trả khác	3.858.501.073	116.853.028	3.975.354.101
Cộng	110.203.728.689	116.853.028	110.320.581.717
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	139.966.186.399	316.206.521.122	456.172.707.521
Phải trả người bán	81.499.348.636	-	81.499.348.636
Chi phí phải trả	1.881.980.386	-	1.881.980.386
Phải trả khác	55.812.387.989	230.501.326	56.042.889.315
Cộng	279.159.903.410	316.437.022.448	595.596.925.858

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.867.824.060	-	47.867.824.060
Phải thu khách hàng	67.140.722.282	-	67.140.722.282
Phải thu khác	1.872.622.302	-	1.872.622.302
Tài sản tài chính khác	12.000.000	-	12.000.000
Cộng	116.893.168.644	-	116.893.168.644
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.738.668.614	-	55.738.668.614
Phải thu khách hàng	38.023.849.159	-	38.023.849.159
Phải thu khác	12.931.618.789	-	12.931.618.789
Tài sản tài chính khác	12.000.000	-	12.000.000
Cộng	106.706.136.562	-	106.706.136.562

30. Báo cáo bộ phận

Theo Khu vực địa lý	Năm 2013		Năm 2012	
	D.thu thuần VND	Giá vốn VND	D.thu thuần VND	Giá vốn VND
Khu vực Đà Nẵng	196.362.936.572	191.965.958.248	220.085.370.143	216.384.408.224
Khu vực Quảng Nam	21.565.005.355	20.080.779.870	27.670.512.887	22.874.803.403
Khu vực Quảng Ngãi	18.646.728.804	20.220.259.168	19.290.932.956	19.663.001.075
Khu vực Bình Định	146.432.266.381	145.253.192.053	160.078.885.272	161.094.059.491
Khu vực Phú Yên	11.342.949.579	11.606.286.799	11.684.697.305	12.275.821.357
Khu vực Nha Trang	110.470.295.686	97.421.672.465	83.596.232.216	80.362.925.586
Khu vực Ninh Thuận	-	-	11.754.821.271	10.449.631.893
Khu vực Đắk Lắk	117.950.017.259	123.531.399.836	111.916.058.774	114.154.711.472
	622.770.199.636	610.079.548.440	646.077.510.824	637.259.362.501

31. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.965.107.862	124.513.817.127
Chi phí nhân công	26.329.095.350	25.674.476.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.684.310.941	5.115.183.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.954.195.740	6.066.758.910
Chi phí khác bằng tiền	4.645.893.016	4.776.827.168
Cộng	170.578.602.909	166.147.063.471

32. Sự kiện phát sinh trong năm tài chính liên quan đến chuyển nhượng Nhà máy Xi măng Cam Ranh

Dự án nhà máy xi măng Cam Ranh tại thị xã Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa được triển khai năm 2004 theo Quyết định số 271/XMVN-HĐQT ngày 23/2/2004 của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt nam (Tổng Công ty) với tổng dự toán là 450 tỷ đồng; Trong đó vốn của Tổng Công ty là 20% (tương đương 85 tỷ đồng), vay thương mại 80% (tương đương 365 tỷ đồng). Mục tiêu của dự án là đầu tư nhà máy mới để phát triển mạng lưới sản xuất xi măng của Tổng Công ty tại thị trường Miền Trung và Tây Nguyên. Công ty được Tổng Công ty ủy quyền làm chủ đầu tư.

Ngày 23/01/2011, Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng đã ký hợp đồng số 01-2011/HT1-ĐN với Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (Sau đây gọi tắt là "HT1") về việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh và toàn bộ tài sản kèm theo.

Điều kiện cơ bản tiên quyết cho hợp đồng là bên chuyển nhượng phải xin được các chủ trương hay phê duyệt của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa về việc chấp thuận và cho phép thực hiện chuyển nhượng Dự án và các tài sản kèm theo. Đồng thời bên nhận chuyển nhượng nhận được Giấy chứng nhận đầu tư cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa ghi nhận Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và ghi nhận đầy đủ nội dung như Giấy chứng nhận đầu tư mà Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đã cấp cho Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng.

Ngày 18/8/2011, Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất số 37121000085 cho Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh. Theo đó, điều chỉnh chủ đầu tư Dự án từ Công ty Cổ phần Xi măng VLXD Xây lắp Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, mọi điều khoản khác của Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000085 cấp lần đầu ngày 18/6/2008 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Vào ngày 18/8/2011, Công ty đã chính thức bàn giao dự án, tài sản, công trình và thiết bị dây chuyền thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh tại Khu vực Hòn Quy, Xã Cam Thịnh Đông, Thị xã Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa cho HT 1 theo tinh thần của Hợp đồng chuyển nhượng số 01-2011/HT1-ĐN ngày 23/01/2011.

Theo hợp đồng số 01-2011/HT1-ĐN ngày 23/01/2011 về việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Xi măng Cam

Ranh, giá trị chuyển nhượng là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh được quyết toán, kiểm toán từ việc xây dựng Nhà máy từ lúc khởi công cho đến ngày chuyển giao, các loại thuế liên quan và các khoản phải trả khác theo luật Việt Nam liên quan đến việc xây dựng Nhà máy. Cho đến thời điểm hiện nay, việc quyết toán, kiểm toán chưa hoàn thành.

Ngày 06/04/2012, Công ty và HT1 ký Phụ lục hợp đồng số 02 điều chỉnh một số nội dung của Hợp đồng số 01/2011/HT1-ĐN ngày 23/01/2011 như sau:

- Đổi tên Hợp đồng thành Hợp đồng chuyển nhượng dự án và toàn bộ vốn đầu tư.
- Giá trị chuyển nhượng là chi phí và nguồn vốn đầu tư thực hiện, nợ phải trả phát sinh tính đến ngày chuyển giao trong phạm vi dự án, tài sản được chuyển nhượng.
- Giá trị chuyển nhượng tạm tính được xác định căn cứ theo Báo cáo tài chính của dự án do bên chuyển nhượng xác lập tại ngày chuyển giao và được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán hợp lệ.
- Giá trị chuyển nhượng thực tế được xác định theo báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án được kiểm toán, được hai bên và cấp có thẩm quyền hai bên thẩm tra, phê duyệt.

Ngày 20/06/2013, Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã ký Biên bản bàn giao tài chính về việc chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy xi măng Cam ranh. Theo đó, thời điểm chốt số liệu tài chính để hiệu chỉnh và bàn giao là ngày 18/08/2011. Giá trị tài sản bàn giao và nguồn vốn thực hiện là: 477.981.239.681 đồng. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bằng không.

(i) Căn cứ Biên bản bàn giao, Công ty đã hạch toán chuyển giao một số đối tượng nợ phải trả cho HT1. Tuy nhiên một số chủ nợ (với tổng số nợ 14.489.476.609 đồng) chưa có Biên bản thỏa thuận 3 bên (DXV, HT1 và các chủ nợ) về việc chuyển nhượng nợ. Cụ thể như sau:

- Công ty CP Phục Hưng Holding: 10.118.307.093 đồng
- Liên doanh Cty TNHH Khánh Ninh & Công ty xây dựng Vinashin Nha Trang: 1.662.991.300 đồng
- Công ty CP Đô thị Cam Ranh: 252.174.000 đồng
- Công ty CP Lilama 5: 2.456.004.216 đồng

@ Sau thời điểm bàn giao Dự án Cam Ranh đợt 1 ngày 20/06/2013 cho đến ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2013 các chi phí phát sinh liên quan đến dự án Cam Ranh dự tính sẽ bàn giao cho HT1, Công ty đang ghi nhận các khoản nợ phải thu (số tiền 32.163.738.453 đồng) và nợ phải trả (số tiền 1.905.921.443 đồng).

Cụ thể như sau:

	Nợ phải thu	Nợ phải trả
- Công ty CP Lilama 5	9.172.345.455	
- CT CP Xây dựng số 5 Hải Phòng	4.380.928.318	
- Công ty TNHH Khánh Ninh	1.193.399.090	
- Công ty TNHH DV MTV XL và DV 5	17.258.912.399	
- Công ty CP Xây dựng phục Hưng	31.079.829	

- Chi phí BQL đến thời điểm bàn giao thực tế 127.073.362
- Cắt giảm quyết toán Cty Phục Hưng 1.648.406.105
- Thuế GTGT đã khấu trừ nhưng vẫn bàn giao cho HTI 257.515.338

Công ty sẽ tiếp tục làm việc với HTI để xử lý các khoản nợ này trong đợt bàn giao tiếp theo.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm:

Chỉ tiêu	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bán hàng		120.165.357.292	126.430.881.872
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	Thành viên TCT	8.210.400.000	19.756.600.000
Công ty Xi măng Bim Sơn	Thành viên TCT	10.700.157.500	4.107.000.000
Công ty Xi măng Hoàng Mai	Thành viên TCT	24.196.740.000	30.012.195.000
Công ty Xi măng Hải Vân	Thành viên TCT	30.655.776.022	35.401.179.932
Công ty Xi măng Hà Tiên 1	Thành viên TCT	46.402.283.770	37.153.906.940
Mua hàng		363.725.890.976	395.017.813.707
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	Thành viên TCT	297.411.419.077	316.436.096.839
Công ty Xi măng Bim Sơn	Thành viên TCT	39.170.329.151	35.680.872.925
Công ty Xi măng Hải Vân	Thành viên TCT	6.461.228.072	1.751.314.647
Công ty Xi măng Hoàng Mai	Thành viên TCT	20.682.914.676	41.149.529.296
Vay vốn		24.234.555.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN	Công ty mẹ	4.234.555.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Thành viên TCT	20.000.000.000	-
Trả nợ vay			
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Thành viên TCT	20.000.000.000	
Chi phí lãi vay		310.946.737	18.101.749.998
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN	Công ty mẹ	300.535.778	9.319.435.500
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Thành viên TCT	10.410.959	8.782.314.498

b. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Chỉ tiêu	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng		38.866.347.947	26.320.674.108
Công ty Xi măng Bim Sơn	Thành viên TCT	-	-
Công ty Xi măng Hoàng Mai	Thành viên TCT	6.766.234.022	4.503.064.500
Công ty Xi măng Hải Vân	Thành viên TCT	11.455.756.598	6.371.507.908
Công ty Xi măng Hà Tiên	Thành viên TCT	20.644.357.327	15.446.101.700
Phải trả người bán		18.008.294.264	23.237.439.004
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	Thành viên TCT	14.731.837.608	15.682.513.330
Công ty Xi măng Bim Sơn	Thành viên TCT	2.487.238.666	5.170.049.847
Công ty Xi măng Hoàng Mai	Thành viên TCT	-	1.625.669.837
Trả trước người bán			
Công ty Xi măng Hà Tiên	Thành viên TCT	759.205.990	759.205.990
Công ty Xi măng Hải Vân	Thành viên TCT	30.012.000	-
Nợ gốc vay		24.234.555.000	161.345.805.748
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN	Công ty mẹ	4.234.555.000	85.109.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Thành viên TCT	20.000.000.000	76.236.805.748
Lãi vay phải trả		310.946.737	27.958.306.500
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN	Công ty mẹ	300.535.778	27.958.306.500
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Thành viên TCT	10.410.959	14.851.203.118

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là các số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Nguyễn Duy Diễm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2014

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng!

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT TP HCM
- Lưu Công ty

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 4 năm 2014

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Diễn